

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DI LINH – TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2020/HNGĐ-ST

Ngày 23 - 7 - 2020

V/v xin ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DI LINH – TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Sỹ.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đào Văn An, ông Vũ Văn Toán.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Vui – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện VKSND huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông Phạm Duy Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 29/2020/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2020. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2020/QĐXX-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số: 11/2020/QĐST-HNGĐ ngày 03/7/2020, về việc xin ly hôn giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị Dư N; sinh năm 1987; địa chỉ: Số nhà 01, đường Lý Nam Đế, Phường 8, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt.

Bị đơn: Anh Nguyễn Thành L; sinh năm 1981; địa chỉ: Số nhà 05, đường Trần Quốc Toản, thị trấn Di Linh, huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình tố tụng của nguyên đơn chị Trần Thị Dư N có nội dung: Chị và anh Nguyễn Thành L tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 21/01/2009 tại UBND xã thị trấn D, huyện D, tỉnh L. Sau khi kết hôn vợ chồng

chung sống cùng gia đình chồng tại số nhà N, đường T, thị trấn D, huyện D, tỉnh L, có 01 con chung tên là Nguyễn Trần Kim L, sinh ngày 11/7/2009. Do tính cách, suy nghĩ khác nhau nên vợ chồng nhiều lần cãi nhau, anh L nhiều lần đánh chị nên chị đưa con về sống cùng cha, mẹ đẻ tại xã T, huyện D, tỉnh L từ tháng 4 năm 2013, sau đó chuyển đến sinh sống và kinh doanh tại thành phố Đ, từ đó cuộc sống của ai người ấy tự lo và không quan tâm đến nhau nữa. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên tự nguyện làm đơn xin ly hôn với anh L. Khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con và không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con. Do vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo, triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng bị đơn anh Nguyễn Thành L đều vắng mặt nên không có lời khai.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D xác định Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ tranh chấp nhưng đã vi phạm về thời hạn giải quyết vụ án. Về nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho nguyên đơn được ly hôn với bị đơn, giao cho nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng con chung và bị đơn không phải cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu và xem xét các tài liệu chứng cứ đã thu thập được thẩm tra tại phiên Tòa, ý kiến của các đương sự, của đại diện Viện kiểm sát và kết quả tranh luận tại phiên Tòa hôm nay. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Thành L đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng pháp luật.

[2] Về thời hạn giải quyết vụ án: Tòa án thụ lý vụ án vào ngày 17/02/2020, đến ngày 12/6/2020 Tòa án ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử là đúng thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Di Linh tham gia tố tụng tại phiên tòa cho rằng Tòa án vi phạm thời hạn giải quyết vụ án là không có căn cứ pháp luật.

[3] Về hôn nhân: Chị Trần Thị Dư N và anh Nguyễn Thành L tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân hợp pháp, được UBND xã thị trấn Di Linh cấp giấy chứng nhận kết hôn số 18 ngày 21 tháng 01 năm 2009. Do bất đồng về nhiều vấn đề trong

cuộc sống nên giữa hai người phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Vì vậy, chị N và anh L đã ly thân từ tháng 4 năm 2013 đến nay, cuộc sống của ai người ấy tự lo và không quan tâm đến nhau nữa. Nay chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn nên tự nguyện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Xác minh tại địa phương cho thấy quá trình chung sống anh L đã nhiều lần có hành vi đánh đập chị N. Quá trình giải quyết vụ án anh L đã được Tòa án thông báo về yêu cầu khởi kiện của chị N và triệu tập nhiều lần để tham gia hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng anh L đều vắng mặt. Qua đó cho thấy anh Long cũng không có nguyện vọng vợ chồng đoàn tụ chung sống. Hôn nhân giữa chị N và anh L đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Cần áp dụng Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho chị N và anh L ly hôn là phù hợp.

[4] Về con chung, tài sản chung: Chị N và anh L có một con chung là cháu Nguyễn Trần Kim L, sinh ngày 11/7/2009 hiện do chị N đang nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị N yêu cầu được tiếp tục nuôi con và không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con. Tại bản tự khai ngày 24/10/2019, cháu Nguyễn Trần Kim L trình bày hiện đang học lớp 5, Trường Tiểu học thực nghiệm Lê Quý Đôn tại thành phố Đ và được mẹ là chị N nuôi dưỡng. Nếu bố, mẹ ly hôn cháu có nguyện vọng được mẹ tiếp tục nuôi dưỡng. Xét yêu cầu của chị N phù hợp với nguyện vọng của con và quy định của pháp luật. Cần áp dụng các Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình, giao cho chị N tiếp tục nuôi con, anh Long không phải cấp dưỡng nuôi con như chị N yêu cầu là phù hợp. Về tài sản đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[5] Về án phí: Chị N phải chịu 300.000đ án phí xin ly hôn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, các Điều 144, 147, 228, 235, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chị Trần Thị Dư N được ly hôn với anh Nguyễn Thành L.

2. Giao cho chị Trần Thị Dư N trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Trần Kim L, sinh ngày 11/7/2009. Anh Nguyễn Thành L không phải cấp dưỡng nuôi con.

Quyền thăm nom con, quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu thay đổi về cấp dưỡng nuôi con của các đương sự được thực hiện theo qui định của pháp luật.

3. Về án phí: Chị Trần Thị Dư N phải chịu 300.000đ án phí xin ly hôn, được trừ vào 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0014643 ngày 17 tháng 02 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Di Linh (đã nộp đủ).

4. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án, hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

5. Bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Lâm đồng;
- VKSND huyện Di Linh;
- Chi cục THADS huyện Di Linh;
- UBND thị trấn Di Linh;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Văn Sỹ